

Số: 60/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 70/2026/LĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 49/2026/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH U; Địa chỉ: số A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Jeong Young K – Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; Địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* *Tại Đơn yêu cầu ghi ngày 06/02/2026 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Chi ruột của bà T là bà Nguyễn Thị Hồng T1 sử dụng toàn bộ thông tin của bà T để làm việc tại Công ty TNHH U từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013. Trong thời gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động với công ty khác. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013 tương đương với thời gian bà Nguyễn Thị Hồng T1 mượn hồ sơ lao động của bà T.

Bà T nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố Hồ Chí Minh nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà T ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa chị của bà T là bà Nguyễn Thị Hồng T1 và Công ty TNHH U theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Vào thời điểm năm 2011, bà Nguyễn Thị Hồng T1 không đủ điều kiện ứng tuyển lao động. Bà T và Nguyễn Thị Hồng T1 là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ bà Nguyễn Thị Hồng T1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Do đó, nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và Công ty TNHH U vô hiệu.

Bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra, bà T xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác trong việc này. Đồng thời, bà T đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH U trình bày:*

Vào tháng 5/2011 giữa Công ty TNHH U và bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký hợp đồng lao động. Thời gian bà T làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho bà T đầy đủ. Khi bà T đến Công ty làm việc thì bà T có cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy CMND; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là bà Nguyễn Thị Ngọc T do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan người lao động làm việc cho Công ty TNHH U đều thể hiện tên Nguyễn Thị Ngọc T. Vì vậy, hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Nguyễn Thị Ngọc T. Bà Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi lừa dối mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và công ty K1 biết việc làm trái pháp luật của bà T. Mãi đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho Công ty TNHH U thì Công ty mới biết.

Tại thời điểm đó, tuyển dụng nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là chính là bà Nguyễn Thị Ngọc T hay người mượn căn cước của bà T đi làm tại công ty, cho nên thống nhất với yêu cầu của bà T.

Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đồng thời, đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị T để làm việc tại Công ty TNHH U từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013. Trong thời gian đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T giao kết hợp đồng lao động với công ty khác. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013 tương đương với thời gian bà T1 mượn hồ sơ lao động. Vào thời điểm năm 2011, do bà T1 không đủ điều kiện ứng tuyển lao động. Bà T1 và bà T là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ cho bà T1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Do đó, nay bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và Công ty TNHH U vô hiệu.

Đồng thời, bà T1 đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu trình bày:*

Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã có công văn số 387/BHXH-QLT ngày 05/02/2026 xác nhận thời gian tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động- Bệnh nghề nghiệp, với mức lương cụ thể, thông tin hưởng/chưa hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, theo thông tin của bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/1978; chứng minh nhân dân số 334233811; CCCD số 084178003330.

Theo đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T có mã số Bảo hiểm xã hội 9105136812 quá trình từ tháng 09/2005 đến tháng 07/2013 bảo lưu ngày 22/08/2013, đã hưởng Bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 041419433 ngày 14/11/2014, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc T có mã số Bảo hiểm xã hội 7409324537 quá trình từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2017 bảo lưu ngày 26/4/2018, đã hưởng Bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 71805414 ngày 11/05/2018, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày 04/5/2017. Quá trình từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2024, bảo lưu ngày 18/12/2024, đã nhận trợ cấp thất nghiệp, chưa nhận Bảo hiểm xã hội một lần.

Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu đề nghị được giải quyết vắng mặt toàn bộ trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ việc dân sự trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH U; Địa chỉ: số A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị Ngọc T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH U, Bảo hiểm

xã hội cơ sở Lái Thiêu, bà Nguyễn Thị Hồng T1 vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T xét thấy:

[2.1] Việc bà Nguyễn Thị Hồng T1 sử dụng thông tin, chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ngọc T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH U là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Tại Công văn số 387/BHXX - QLT ngày 05/02/2026 của B cơ sở L cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cụ thể: Tại Công ty TNHH U với mã số Bảo hiểm xã hội 9105136812 vào tháng 5/2011 và từ tháng 5/2012 đến tháng 7/2013. Tại Công ty TNHH C với mã số Bảo hiểm xã hội 7409324537 từ tháng 12/2009 đến tháng 4/2014. Thời gian đóng trùng Bảo hiểm xã hội của mã số Bảo hiểm xã hội 9105136812 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409324537 là từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2011, từ tháng 5/2012 đến tháng 7/2013.

[2.3] Trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp với trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty TNHH U là vô hiệu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động, Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà T1 về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH U là bà Nguyễn Thị Hồng T1, không phải là bà Nguyễn Thị Ngọc T. Bà T và bà T1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sở bảo hiểm xã hội mã số 9105136812.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty TNHH U là vô hiệu toàn bộ.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9105136812 không phải là bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; chứng minh nhân dân số 334233811; CCCD số 084178003330. Bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9105136812.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012648 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hải Nam